

BỐI CẢNH PHẬT GIÁO VIỆT NAM THẾ KỶ XX VÀ CON ĐƯỜNG GIÁC NGỘ CỦA HÒA THƯỢNG THÍCH ĐỨC NHUẬN

Tóm tắt: Sau khi trình bày khái quát bối cảnh Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX, bài viết này chú trọng đề cập đến con đường giác ngộ của Hòa thượng Thích Đức Nhuận từ lúc xuất gia cho đến khi được suy tôn lên ngôi vị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, cũng như sự đóng góp của Ngài cho Đạo pháp và Dân tộc.

Từ khóa: Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX, Đệ nhất Pháp chủ, Hòa thượng Thích Đức Nhuận, Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

1. Vài nét về bối cảnh Phật giáo Việt Nam thế kỷ XX

Vào những năm đầu thế kỷ XX, tình hình xã hội Việt Nam có nhiều biến động. Nước Pháp và thế giới tư bản đều lâm vào khủng hoảng sau Chiến tranh Thế giới lần thứ Nhất. Vì thế, để hàn gắn vết thương chiến tranh, các đế quốc đồng loạt tăng cường chính sách bóc lột ở các nước thuộc địa. Đông Dương trở thành địa bàn trọng điểm trong chính sách khai thác tàn nhẫn của thực dân Pháp. Trong các năm 1929 - 1930, khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu và kéo dài. Sau đó, khi nền kinh tế được phục hồi không bao lâu, Đông Dương lại lâm vào tình trạng một ách hai trùng đè nặng lên đôi vai gầy guộc của người dân thuộc địa, ách thực dân Pháp và quân phiệt Nhật.

Trong tình hình đó, vấn đề phân hóa giai cấp và mâu thuẫn sâu sắc trong xã hội Việt Nam là tất nhiên. Thực tế đó đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực xã hội Việt Nam đương thời. Tiếp theo, một số phong trào yêu nước, tiêu biểu như Đông Kinh Nghĩa Thục, Đông Du, kêu gọi cải cách xã hội đã tạo nên một làn sóng lan tỏa khắp các mặt của đời sống xã hội Việt Nam đương thời. Biến động xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XX cũng làm xuất hiện một số hiện tượng tôn giáo mới, tiêu biểu như Cao Đài giáo, Phật giáo Hòa Hảo, Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội, v.v...

^{*} Nhà nghiên cứu, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.

Riêng đối với Phật giáo, từ những năm đầu thế kỷ XX, tôn giáo này ngày càng mất uy tín đối với quốc dân và quần chúng tín đồ. Đa số tăng sĩ ngày càng lơ là việc tu học, chỉ chuyên cúng đám, xem bói, làm những chuyện mê tín, dẫn đến thực trạng “dốt và hư”. Sự suy đồi, tiêu cực trong Phật giáo đã bị phê phán rất gay gắt trên báo chí đương thời⁽¹⁾. Xu thế đòi cải cách chính trị và xã hội rộ lên khắp nơi (phong trào đấu tranh của Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn An Ninh...); tầng lớp thanh niên ảnh hưởng Tây học ngày càng đông; sự xuất hiện của Cao Đài giáo (1926)⁽²⁾ là những nguyên nhân chính buộc Phật giáo phải thực hiện công cuộc chấn hưng.

Tháng 1/1927, ông Nguyễn Mục Tiên, Giáo thụ Thiện Chiếu trên tờ *Đông Pháp thời báo* và Tỷ khiêu Tâm Lai trên tờ *Khai hóa nhật báo* đã viết bài kêu gọi chấn hưng Phật giáo nước nhà. Tháng 5/1927, Hòa thượng Khánh Hòa cử sư Thiện Chiếu ra Miền Bắc gặp sư Tâm Lai bàn việc thống nhất Phật giáo Việt Nam. Do bất đồng quan điểm nên chuyến đi của sư Thiện Chiếu không thành công. Hơn một năm sau kể từ ngày khởi xướng, phong trào chấn hưng Phật giáo Miền Bắc dần lắng xuống vào cuối năm 1928.

Ngọn lửa chấn hưng Phật giáo tuy tạm lắng ở Bắc Kỳ do không còn người chủ xướng, nhưng ở Nam Kỳ phong trào này vẫn tiếp tục với sự lẫn lộn vận động của Hòa thượng Khánh Hòa khắp các tỉnh Miền Tây. Nguyệt san *Pháp Âm* do Hòa thượng chủ trương (tháng 9/1929) và tập *Phật hóa tân thanh niên* do nhà sư trẻ Thiện Chiếu giàu nhiệt huyết cải cách Phật giáo nước nhà ra đời. Tuy chỉ ra được một số, nhưng *Pháp Âm* và *Phật hóa tân thanh niên* thực sự giữ vai trò tiên phong trong việc truyền bá chấn hưng Phật giáo.

Ngày 26/8/1931, lần đầu tiên một hội Phật học ra đời với danh xưng Hội Nghiên cứu Phật học Nam Kỳ, trụ sở đặt tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn. Hưởng ứng phong trào, năm 1932, Hội Phật học An Nam được thành lập, trụ sở đặt tại chùa Trúc Lâm, Huế. Tiếp theo, năm 1934, Hội Phật giáo Bắc Kỳ được thành lập, trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Các tổ chức này là lực lượng lãnh đạo phong trào chấn hưng Phật giáo ở ba kỳ cho tới năm 1945, Cách mạng Tháng Tám thành công, thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Phật giáo tiếp tục đồng hành với dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1947 - 1954) qua hoạt động của tổ chức Phật giáo Cứu quốc.

Từ năm 1949, các tổ chức Phật giáo được tái lập ở vùng tạm chiếm, tiếp tục công cuộc chấn hưng, đưa Phật giáo Việt Nam hội nhập với Phật giáo quốc tế trong tổ chức Hội Liên hữu Phật giáo Thế giới, viết tắt là WFB (tháng 6/1950), tiến tới thống nhất Phật giáo Việt Nam với việc thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam (tháng 5/1951) và thành lập Giáo hội Tăng già Toàn quốc (tháng 9/1952).

Ngày 20/7/1954, thực dân Pháp buộc phải ký Hiệp định Geneva lập lại hòa bình ở Đông Dương. Đất nước ta bị chia hai miền Nam Bắc, Phật giáo cũng chung số phận.

Sau ngày 30/4/1975, đất nước giải phóng, non sông nối liền một dải, Bắc Nam sum họp một nhà. Thực hiện ước nguyện thiết tha bao đời của Tăng ni, Phật tử cả nước, từ ngày 4/11 đến ngày 7/11/1981, 165 đại biểu đại diện 9 tổ chức, hệ phái Phật giáo cả nước họp tại chùa Quán Sứ, Hà Nội quyết định thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tổ chức hợp pháp duy nhất đại diện cho Phật giáo Việt Nam trong nước và ngoài nước.

2. Con đường giác ngộ của Hòa thượng Thích Đức Nhuận

Đệ nhất Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận, thế danh Phạm Đức Hạp, pháp hiệu Thanh Thiện, sinh năm Đinh Dậu (1897), tại xã Hải Phương, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Hải Phương trước đây thuộc xã Quần Phương Hạ, tổng Quần Phương là một vùng đất mới màu mỡ, nhân dân kính tín Tam bảo. Báo *Đuốc Tuệ* năm 1938 cho biết: “một hạt Hải Hậu có tới 30 nóc chùa”, “mấy làng Quần Phương hiện nay có tới ngót 1.000 vị Tăng ni người làng từ Thượng tọa đến thanh niên trụ trì trong hạt Bắc Kỳ”⁽³⁾, có những bậc cao tăng nổi tiếng như Hòa thượng Tuệ Tạng (Tổ Cồn, 1889 - 1959), Hòa thượng Trí Hải (1906 - 1979), Hòa thượng Phạm Thế Long (1890 - 1985), v.v... Lúc bấy giờ, Hải Hậu đã có tới 9 - 10 Chi hội Phật giáo⁽⁴⁾.

Hòa thượng Thích Đức Nhuận theo Nho học từ năm 7 tuổi. Mấy năm sau, cha Ngài vốn là một nhà Đông dục nổi tiếng được sư tổ chùa Đồng Đắc, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đón sang để chế thuốc phong cứu giúp nhân dân trong vùng. Ngài được theo hầu cha và dần dần bén duyên của Phật. Năm 15 tuổi (Nhâm Tý, 1912), Ngài xuất gia, sơ tâm cầu pháp với trụ trì chùa là Hòa thượng Thích Thanh Nghĩa. Sau khi thể phát quy y, Ngài được nghiệp sư gửi lên chùa Thanh Nộn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam học đạo với sư tổ Thích Thanh Ninh.

Tròn 20 tuổi (1917), Ngài thụ Cụ túc giới tại chùa Phúc Nhạc (Già Lê tự), xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình. Giới đàn này gồm các vị cao tăng thạc đức giữ các chức vụ quan trọng như: Tổ Thanh Khiết trụ trì chùa Phương Ban (Ninh Bình) làm Hòa thượng Đàn đầu; Tổ Trung Định làm Yết ma A xà lê; Tổ Thanh Phúc làm Giáo thụ; các tổ Thích Khang Thượng và Thích Thanh Nghĩa làm Tôn chứng.

Sau đó, Ngài tiếp tục vân du, tầm sư học đạo, tham học với Thiền sư Thích Thông Mệnh - Từ Hòa, tức Tổ Giám, thuộc Thiền phái Lâm Tế ở chùa Đào Xuyên, xã Đa Tốn, huyện Gia Lâm. Sau ngày Tổ Giám viên tịch, Ngài về chùa Báo Quốc, còn gọi là chùa Bình Vọng, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội, thụ giáo với Tổ Bằng Sở (Hòa thượng Phan Trung Thứ)⁽⁵⁾.

Tháng 12/1936, Hội Phật giáo Bắc Kỳ mở trường Phật học ở Hà Nội, với 3 lớp: lớp Tiểu học đặt tại chùa Quán Sứ, hai lớp Trung học và Đại học đặt tại chùa Phúc Khánh⁽⁶⁾ do Tổ Bằng Sở làm Chánh Đốc giáo. Tổ đưa Ngài đi theo, và theo nguyện vọng của đệ tử, bố trí cho Ngài thi vào lớp Trung học.

Những tháng năm theo học Hòa thượng Phan Trung Thứ và gần ba năm học ở Chùa Sở, nhận thức của Ngài về chính đạo nhập sâu. Nhận thấy thực trạng mê tín là trở ngại lớn cho Phật tử trên con đường tu học, nên Ngài đã hăng hái và tích cực khởi xướng việc bài trừ vắn nạn này. Ban đầu, Ngài phải đối phó với tư tưởng dị đồng môn, nhất là của một số Phật tử dính dáng ít nhiều với các đền phủ. Tuy việc làm của Ngài lúc đó chưa như mong muốn, nhưng ít ra cũng gọi cho mọi người sự so sánh, phân biệt giữa chính tín và mê tín.

Hòa thượng Thích Thiện Siêu, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam kiêm Trưởng ban Giáo dục Tăng ni hồi tưởng: “Khi tôi đang là học tăng Trường An Nam Phật học Huế những năm 1936 - 1945, tôi đã có nghe tên cụ Đồng Đắc mà các vị tôn túc trong sơn môn Huế lúc bấy giờ thỉnh thoảng nhắc đến trong những cuộc đàm đạo của các vị. Lúc ấy tôi cũng chỉ nghe qua cụ Đồng Đắc là một bậc chân tu ở Miền Bắc”⁽⁷⁾. Nghĩa là, Đệ nhất Pháp chủ đã nổi danh là bậc chân tu khi mới ngót 40 tuổi! Chẳng thế mà Tổ Bằng Sở sau này hết lời khen ngợi Ngài như một dũng tướng, khi mà trình độ cũng như điều kiện phát triển Phật giáo nước nhà sớm được nâng cao⁽⁸⁾.

Năm Kỷ Mão (1939), Ngài phát tâm thụ giới Bồ tát do Tổ Tế Cát⁽⁹⁾ trụ trì chùa Tế Xuyên, xã Đức Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam chứng đàn.

Gần 30 năm chuyên tâm tu học, tinh tiến trau dồi đạo hạnh, Ngài đã trở thành bậc tôn đức uyên thâm Phật học, kiêm thông cả Khổng học. Năm 1940, Ngài trở về kế thế trụ trì chùa Đồng Đắc, bắt đầu làm nhiệm vụ “tác Như Lai sứ, hành Như Lai sự” quảng bá giáo lý duyên khởi đến người hữu duyên tầm đạo và học đạo bằng những phương tiện có được như lập trường Phật học, thuyết giảng, khai giới đàn, v.v...

Nhân đây, chúng tôi thiết nghĩ, cần làm rõ vấn đề Đệ nhất Pháp chủ hoằng truyền giáo lý theo tông phái Phật giáo nào? Cuốn *Kỷ yếu Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)* viết: “Ngài sơ tâm cầu pháp với Sư Tổ Thích Thanh Nghĩa (thuộc dòng Tào Động, chùa Quảng Bá - Hà Nội) trụ trì chùa Đồng Đắc, xã Đồng Hương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình”⁽¹⁰⁾.

Nhưng văn bia chùa Đồng Đắc, xã Đồng Hương, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình lại ghi rõ: “Kim Sơn hữu huyện thủy ư Minh Mạng thập niên, Kỷ Sửu, thành ư Doanh điền Nguyễn Công. Ngã tổ sư Lê Hậu, nguyên Lâm Tế chính tông Phụng Ban tự, trụ trì ư Phúc Nhạc” (huyện Kim Sơn có vào thời Minh Mạng thứ 10, năm Kỷ Sửu, tức năm 1829, do Nguyễn Công Trứ lập thành. Vị tổ sư của chùa ta họ Lê vốn dòng Lâm Tế ở chùa Phụng Ban về trụ trì chùa Phúc Nhạc”⁽¹¹⁾).

Sau khi được nhân dân thỉnh về chùa Đồng Đắc, Tổ sư đã hết lòng truyền bá chính pháp và đào tạo Tăng tài. Nhiều tăng sĩ đã được Tổ sư đào tạo và cho đi truyền bá Phật pháp toàn huyện Kim Sơn như chùa Hàm Ân, chùa Yên Bình, chùa Như Độ, chùa Phúc Điền, v.v...

Lại nữa, chùa Phụng Ban được dựng vào năm Minh Mạng thứ 2 (1821) ở thôn Yên Liêu, nay thuộc xã Khánh Thịnh, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình. Sử liệu ghi: “Năm Minh Mạng thứ 16 tháng 10 ngày mùng 1. Vua đã ban giới đao độ điệp cho Thiền sư pháp danh Đạo Tuân, thế danh Nguyễn Đình Trị, quê ở xã Phù Kim, tổng Duyên Hưng, huyện Nam Trực, phủ Thiên Trường, tỉnh Nam Định, là đệ nhất phái thiền Lâm Tế ở Ninh Bình trụ trì chùa Phụng Ban”⁽¹²⁾.

Những sử liệu đã dẫn nêu trên chứng minh rằng, chùa Đồng Đắc theo Thiền phái Lâm Tế.

Năm 1969, Ngài về trụ trì chùa Quảng Bá⁽¹³⁾ (Hoàng Ân tự), xã Quảng An, huyện Từ Liêm (nay là phường Quảng An, quận Tây Hồ, Hà Nội). Năm 1980, Ngài nhận lĩnh Tổ đình Hồng Phúc (Hòe Nhai), chốn tổ của Thiền phái Tào Động. Năm 1986, Ngài chính thức về đây trụ trì cho đến khi viên tịch.

Nhiều người nghĩ rằng, Đệ nhất Pháp chủ tu tập theo Thiền phái Tào Động, bởi chùa Quảng Bá và chùa Hòe Nhai đều thuộc dòng thiền này. Nhưng, trong lần diện kiến Ngài, Hòa thượng Thích Thanh Từ, Viện chủ Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt thưa: “Bạch Sư Cụ, theo chỗ con biết, chùa Hồng Phúc là Tổ đình tông Tào Động, vậy trụ trì tại đây, Sư Cụ có tu thiền theo tông Tào Động chăng?”. Sư Cụ dạy: “Tôi tu Thiền”. Thầy Thích Thanh Từ hỏi tiếp: “Bạch Sư Cụ, Ngài tu thiền là được các Tổ trước truyền tâm ấn cho, hay Ngài tu bằng cách nào?”. Sư Cụ dạy: “Tôi không được Tổ truyền tâm ấn, chỉ căn cứ theo bộ *Kinh Lăng Nghiêm Chánh Mạch* do Tổ Giao Quang giảng, tu pháp “Phản văn văn tự tánh” của Bồ tát Quán Thế Âm nói về “Nhĩ căn viên thông” ở trong kinh”⁽¹⁴⁾.

Vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, với khẩu hiệu “Tất cả cho kháng chiến”, các Phật học đường do Ngài mở ở chùa Đồng Đắc và ở chùa Kỳ Lân (huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình) đều ngưng hoạt động. Ngài tới nhiều chùa các tỉnh Ninh Bình, Nam Định, Hà Nam vận động Tăng ni, Phật tử ủng hộ và tham gia kháng chiến.

Năm 1950, sau ngày tái lập Hội Phật giáo Việt Nam ít lâu, nhờ nỗ lực hoạt động của Ngài, Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình được thành lập, cùng Ban Đại diện Phật giáo 3 quận Kim Sơn, Yên Mô, Yên Khánh và 5 khu Hàn Lâm, Lạc Thiện, Tuy Lộc, Bình Hải, Yên Thần với gần 25.100 hội viên. Ngài được cung thỉnh làm Giám luật Phật giáo tỉnh Ninh Bình. Ngài cùng Tăng ni, Phật tử tỉnh thực hiện nhiều Phật sự lợi ích thực tế cho nhân sinh, tiêu biểu như: can thiệp để ngụy quyền thả tự do cho 963 người bị giam giữ, cũng như trả lại tài sản cho họ; tổ chức lớp Phật học tại chùa Đồng Đắc và một số chùa khác; mở những lớp huấn luyện về giáo lý Phật giáo; đi diễn giảng tại nhiều nơi; thành lập Ban Văn hóa lưu động; đem kinh sách Phật giáo cho dân chúng học tập nghiên cứu; ủng hộ đồng bào bị hỏa hoạn; tổ chức Lễ Thượng kỳ Phật giáo Thế giới trong Đại lễ Phật đản; tổ chức những cuộc lễ cầu siêu và an ủi tù binh, thương binh⁽¹⁵⁾.

Trong những tháng năm quê hương Ngài bị quân Pháp chiếm đóng, một số tín đồ Phật giáo bị ép bỏ đạo, chùa chiền bị phong tỏa hoặc đập phá, tinh thần Phật tử bị khủng hoảng nghiêm trọng. Với cương vị là một cao tăng trong vùng, Ngài đã kiên quyết đấu tranh bảo vệ tín ngưỡng. Để tránh nguy cơ bị ám hại, Ngài tạm lánh lên Hà Nội tham gia Phật sự của Hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Tăng già Bắc Việt.

Sau Hiệp định Geneva, Miền Bắc sạch bóng xâm lược, Ngài cùng các đệ tử trở về chùa Đồng Đắc tiếp tục tu hành, hoằng dương chính pháp. Từ đó cho đến lúc Ngài được thỉnh lên Hà Nội tham gia Ban Đại diện Phật giáo Thủ đô (1955 - 1956), thành lập Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam giữ cương vị Phó Hội trưởng (1958 - 1979), sau đó là Hội trưởng (1979 - 1981), rồi Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981) đến khi viên tịch (1993), con đường giác ngộ của Ngài gặp không ít khó khăn. Nhưng nhờ vững tin Phật pháp, Ngài đã vững tiến trong tu tập và hành đạo với ý chí kiên cường như lời tâm sự của Ngài trong một bài thơ đăng trên tờ *Phương Tiện* năm 1951:

“Lòng vị đạo chẳng sồn chi lao khổ?
Tài kinh luân luyện đức chí can trường.
Quyết xông pha cho dạn gió, dầm sương.
Mới xứng đáng “tâm vương” người Phật tử.
Dù có phải gian lao đi chẳng nữa:
Nhưng không hề chán nản bởi đời riêng,
Nghĩa “lợi tha” cao cả và thiêng liêng.
Đạo vô thượng! phải tìm ra manh mối?
Vùng đứng dậy, phá toang màn đen tối,
Đường vinh quang mở lối sạch chông gai.
Ánh Đạo Vàng sáng rực của ngày mai...
Bao đau khổ lặng im làn sóng lặn,
Kìa! Biển pháp mênh mông và vô tận.
Tâm ta thề chưa đạt: quyết chưa thôi,
Mặc dầu cho Tang Hải lúc đổi rời...
Lòng đã quyết, quyết không ngừng bước tiến!”⁽¹⁶⁾./.

CHÚ THÍCH

1. Xem các tạp chí *Viên Âm*, *Đuốc Tuệ*, *Duy Tâm*.
2. Xem các báo *Khai Hóa nhật báo*, *Đông Dương thời báo*, *Đông Pháp*.
3. *Đuốc Tuệ*, số 78, ngày 1/12/1938.
4. *Đuốc Tuệ*, số 112, ngày 15/6/1939.
5. Hòa thượng Phan Trung Thứ (1871 - 1942), còn gọi là Tổ Bằng Sở hay Tổ Bình Vọng; là thành viên Ban Kỳ túc Đạo sư Hội Phật giáo Bắc Kỳ kiêm Chủ bút báo *Đuốc Tuệ* - cơ quan hoằng pháp của Hội Phật giáo Bắc Kỳ (từ tháng 12/1935 đến năm 1942).
6. Túc Chùa Sở hay chùa Thịnh Quang, xã Thịnh Quang, huyện Thọ Xương, tỉnh Hà Đông (nay thuộc phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Hà Nội).
7. Hòa thượng Thích Thiện Siêu, “Cảm niệm”, trong *Giáo hội Phật giáo Việt Nam* (2010), *Kỷ yếu Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)*, Nxb. Phương Đông: 95.
8. Xem Thích Đồng Bổn (1995), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, tập 1, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Túc Hòa thượng Thích Doãn Hải (1874 - 1958), thế danh Dương Văn Hiến, đệ tử Tổ Tế Xuyên từ năm 1926; là một trong những sáng lập viên Hội Phật giáo Bắc Kỳ, thành viên Ban Kỳ túc Đạo sư Hội Phật giáo Bắc Kỳ; Phó Chủ bút báo *Đuốc Tuệ* giai đoạn 1935 - 1942 và Chủ bút giai đoạn 1942 - 1945; chánh trụ trì chùa Quán Sứ (từ tháng 2/1941 đến tháng 4/1945).
10. Pháp tử Thích Thanh Khánh, “Tiểu sử Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Đại lão Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)”, trong *Giáo hội Phật giáo Việt Nam* (2010), *Kỷ yếu Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)*, Nxb. Phương Đông: 21.
11. Tỳ kheo Thích Minh Tuệ, “Phật giáo Ninh Bình và sự truyền thừa của Thiền phái Lâm Tế”, trong *Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình* (2010), *Kỷ yếu Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 383 - 384.
12. Tỳ kheo Thích Minh Tuệ, “Phật giáo Ninh Bình và sự truyền thừa của Thiền phái Lâm Tế”, trong *Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình* (2010), *Kỷ yếu Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, sách đã dẫn: 382.
13. Theo Thích Bảo Nghiêm - Võ Văn Tường trong *Hà Nội danh lam cổ tự*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Thiền sư Khoan Nhân, đời thứ 5 chi thiền Tào Động Trần Quốc đã kiêm trụ trì khai hóa chùa Hoằng Ân được coi là Đệ nhất đại, Hòa thượng Thích Đức Nhuận là Đệ cửu đại (tổ thứ 9 tông Tào Động).
14. Hòa thượng Thích Thanh Từ, “Nhớ lại hai lần bái kiến Đức cố Pháp chủ Thích Đức Nhuận”, trong *Giáo hội Phật giáo Việt Nam* (2010), *Kỷ yếu Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)*, Nxb. Phương Đông: 97.
15. *Phương Tiện*, số 35 - 36, ra ngày 15 tháng 12 năm Canh Dần và mừng 1 tháng Giêng năm Tân Mão (1951).

16. Sa môn Đức Nhuận, “Vững tiến”, *Phương Tiện*, số 37 - 38, ngày 15 tháng Giêng và mừng 1 tháng Hai năm Tân Mão (1951).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thích Đồng Bổn chủ biên (1995), *Tiểu sử danh tăng Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2008), *Phong trào chấn hưng Phật giáo (tư liệu báo chí Việt Nam 1927 - 1938)*, Nxb. Tôn giáo.
3. Nguyễn Đại Đồng - Nguyễn Thị Minh (2010), *Phong trào chấn hưng Phật giáo (tư liệu báo chí Phật giáo Việt Nam 1929 - 1953)*, Nxb. Tôn giáo.
4. *Đuốc Tuệ*, số 78, ngày 1/12/1938.
5. *Đuốc Tuệ*, số 112, ngày 15/6/1939.
6. Giáo hội Phật giáo Việt Nam (2010), *Kỷ yếu Đức Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hòa thượng Thích Đức Nhuận (1897 - 1993)*, Nxb. Phương Đông.
7. *Phương Tiện*, số 35 - 36, ngày 15 tháng 12 năm Canh Dần và mừng 1 tháng Giêng năm Tân Mão (1951).
8. *Phương Tiện*, số 37 - 38, ngày 15 tháng Giêng và mừng 1 tháng Hai năm Tân Mão (1951).
9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo và Ban Trị sự Phật giáo tỉnh Ninh Bình (2010), *Kỷ yếu Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê trong công cuộc dựng nước và giữ nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

THE CONTEXT OF VIETNAM BUDDHISM IN THE 20TH CENTURY AND ENLIGHTENED WAY OF THE MOST VENERABLE THÍCH ĐỨC NHUẬN

After presenting general context of Vietnamese Buddhism in the 20th century, the article particularly deals with enlightened way of the most venerable Thích Đức Nhuận from he left his house to he was elected as a president of the Vietnamese Buddhist Sangha and his contributions to Dharma and Nation.

Key words: Vietnamese Buddhism in th 20th century; The First president; The Most Venerable Thích Đức Nhuận; The Vietnamese Buddhist Sangha.